

Chương 11

Từ Chủ nghĩa Mác đến Chủ nghĩa Dân tộc Phát xít

Phe đối lập mang tính hệ thống đầu tiên mang màu sắc cánh tả và dân tộc chủ nghĩa chống lại chủ nghĩa cộng sản xoay quanh trục Moskva xuất phát từ Ý. Đó chính là chủ nghĩa phát xít, một phong trào có nguồn gốc xã hội chủ nghĩa rõ rệt. Các bó gậy tượng trưng (*fascies*) từng là biểu tượng quyền lực của người La Mã, sau đó xuất hiện trở lại trong các biểu tượng của nền Cộng hòa Pháp và trên đồng xu mười xu (*dime*) của Mỹ vào thời kỳ sau. Vào đầu những năm 1890, các *fasci* (các "bó", các liên đoàn) công nhân – được gọi là *fasci dei lavoratori* – đã gây ra những rối loạn nghiêm trọng chủ yếu ở Sicily, nhưng cũng lan ra một số vùng của Tuscany. Họ thẩm nhuần các tư tưởng xã hội chủ nghĩa lãng mạn và chỉ có thể bị khuất phục bằng vũ lực.

Người sáng lập ra chủ nghĩa phát xít của thế kỷ này là Benito Mussolini, con trai của một thợ rèn người Ý theo chủ nghĩa xã hội có hai người con trai; người con lớn được ông đặt tên là Benito (chứ không theo cách đặt tên truyền thống của người Ý là Benedetto) để tưởng nhớ Benito Juarez, vị thủ lĩnh người da đỏ Mexico – người được Hoa Kỳ hậu thuẫn – đã đánh bại rồi xử tử Hoàng đế Maximilian Ferdinand Joseph, một thành viên hoàng tộc Hapsburg và là em trai của Franz Joseph. Người con trai thứ của Mussolini được rửa tội là Arnaldo, theo tên của nhà cách mạng thời Trung cổ Arnaldo di Brescia, một giáo sĩ từng phản đối sự giàu có và quyền lực của các giáo hoàng. Bản thân Benito Mussolini thời trẻ cũng là một tín đồ cuồng nhiệt của chủ nghĩa xã hội và khởi đầu sự nghiệp với mong muốn trở thành giáo viên giống như mẹ mình. Sau đó, ông sang Thụy Sĩ để theo học các khóa văn học tại Đại học Lausanne và Đại học Geneva, đồng thời kiếm sống bằng nghề thợ nề. Ông từng gặp rắc rối với cảnh sát, bị giam giữ tạm thời, và sau đó đến Trent (lúc bấy giờ thuộc Áo), nơi ông làm nhà báo cho hai tờ báo in bằng tiếng Ý mang khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

Ông dần đi đến xác tín rằng cư dân địa phương, dù phần lớn mang gốc gác Ý, lại ưa chuộng sự cai trị của Áo hơn và do ảnh hưởng của giới giáo sĩ, họ căm ghét ý tưởng gia nhập nước Ý. Mussolini cũng đánh giá bộ máy hành chính của Áo vượt trội hơn hẳn so với đất nước mình.

Tương lai *duce del fascismo* (lãnh tụ phát xít) cũng tận dụng khoảng thời gian lưu trú này để học tiếng Đức khá thành thạo, nhưng cuối cùng ông đã bị chính quyền Áo trục xuất do họ hoài nghi các hoạt động tuyên truyền mang tính dân tộc chủ nghĩa và chủ nghĩa đòi lại đất đai (*irredentism*) của ông. Trở về Ý, Mussolini trở thành một nhà hoạt động kích động chống lại cuộc chiến tranh giữa Ý và Thổ Nhĩ Kỳ liên quan đến vùng Tripolitania (Libya). Với tư cách là một người xã hội chủ nghĩa chân chính, chàng thanh niên Mussolini coi đây là một cuộc chiến tranh xâm lược mang tính đế quốc. Năm 1913, ông xuất bản một cuốn sách ở Rome, thành quả từ những mối liên hệ mà ông đã thiết lập ở Trent với những người theo chủ nghĩa dân tộc Séc. Cuốn sách có tựa đề *Giovanni Hus, il veridico* ("Jan Hus, người nói sự thật"). Tác phẩm này được viết tồi, thể hiện rõ thái độ thành kiến chống Công giáo (giống như cuốn tiểu thuyết duy nhất của ông là *The Cardinal's Mistress - Người tình của Hồng y*), nhưng mang tính chính trị nhiều hơn là tôn giáo. Thực ra, trong những năm đầu đời, Mussolini cũng từng bị thu hút bởi

những nhà xã hội chủ nghĩa phi chính thống như Sorel và các nhà vô chính phủ như Hoàng tử Kropotkin.

Điều khiến Mussolini quan tâm hơn bất cứ thứ gì chính là phong trào bình dân bùng nổ sau cái chết trên giàn hỏa thiêu của Hus vào năm 1415 – một trong những sai lầm lớn mà lịch sử Giáo hội Công giáo có rất nhiều. Những người đi theo Hus ôn hòa hơn, phái Utraquist, đã sớm giảng hòa với Giáo hội và được nhượng bộ về nghi thức, trong khi phái Taborite, cánh cấp tiến, lại ôm ấp những quan điểm cực đoan về tôn giáo, xã hội và chính trị. Trong phong trào Taborite (được đặt tên theo thành phố pháo đài mới thành lập Tabor ở Bohemia), chủ nghĩa dân tộc ("chủ nghĩa sắc tộc"), nền dân chủ và các khuynh hướng xã hội chủ nghĩa khác nhau đã lần đầu tiên được hợp nhất trong một tổng hòa mới ở châu Âu. Hiển nhiên là một luồng tư tưởng mang tính tập thể và đề cao bản sắc bạo lực như vậy đã vấp phải sự phản đối mạnh mẽ nhất từ Giáo hội Công giáo – một thiết chế mang tính siêu quốc gia, luôn công nhận nguyên tắc năng lực (*idoneity*) chống lại mọi thứ cuồng tín bình quân chủ nghĩa, và có truyền thống lâu đời về chủ nghĩa gia trưởng, về việc tôn trọng hình tượng người cha.

Phái Taborite đã tiến hành các cuộc chiến tranh chủng tộc - ý thức hệ đẫm máu không chỉ tại các vùng đất thuộc Vương miện Thánh Wenceslas (Bohemia, Moravia, Silesia), mà còn ở các khu vực lân cận như Áo, Saxony và Thượng Hungary. Họ bị khiếp sợ vì sự vô nhân tính tột cùng; vì xu hướng giết hại tất cả đàn ông, phụ nữ và trẻ em ở các thành phố mà họ chinh phục; vì lòng căm thù vô tận đối với mọi thứ thuộc về nước Đức. Chẳng hạn, tại Komotau, toàn bộ nam giới đã bị tàn sát – ngoại trừ ba mươi người phải sống sót để chôn cất những người khác. Phụ nữ theo phái Hussite đã được "giải phóng" hoàn toàn và thậm chí còn tồi tệ hơn đàn ông trong việc thực hiện các hành vi tàn bạo – chống lại những phụ nữ khác. Trong một trường hợp, họ lột sạch quần áo của các nạn nhân và thiêu hủy họ theo nhóm, đồng thời dành sự tàn bạo đặc biệt cho những phụ nữ đang mang thai. Khi phái Taborite tấn công Prachatitz (Prachatice) vào năm 1420, họ tha mạng cho phái Utraquist nhưng thiêu sống tất cả những người đàn ông khác. Sự thù địch của họ đối với mọi thứ thuộc về Công giáo và Đức chỉ có thể sánh ngang với sự căm ghét đối với giới quý tộc – và điều này diễn ra bất chấp thực tế rằng giống như trong cuộc cách mạng tá khuynh sau này, các thành viên thuộc giới quý tộc thường xuyên đóng vai trò lãnh đạo cho đám đông đã bị thú tính hóa. Zizka thuộc vùng Trocnov là một trong số đó.

Ở đây, một lần nữa, chúng ta phải ghi nhớ rằng những hình thức tra tấn tàn bạo là biểu hiện của lòng hận thù, và lòng hận thù luôn bắt nguồn từ một cảm giác tự ti nào đó, hoặc một loại yếu kém nào đó. Khi chúng ta cảm thấy hoặc thực sự ưu việt, chúng ta có quyền lựa chọn đối xử với người khác bằng sự khinh miệt và nhỏ nhen, hoặc tốt hơn nhiều là bằng tình yêu thương và sự rộng lượng. Chính những kẻ thực sự thấp kém ở một vị trí bề trên mới nhượng bộ trước các thôi thúc tàn bạo của họ. Hơn nữa, tình trạng này còn có một khía cạnh thống kê. Hầu như luôn luôn là đa số thấp kém cố gắng tiêu diệt các thiểu số ưu việt, những kẻ chắc chắn sẽ đồng tình với câu nói của Ovid: *Bene vixit qui bene latuit* (Người ẩn dật giỏi thì sống tốt). Các thiểu số đặc quyền có thể có một khát vọng thống trị (*libido dominandi*) mạnh mẽ, nhưng động lực hướng tới việc

tiêu diệt thể xác luôn bắt nguồn từ phức cảm tự ti của những đám đông đa nghi và đố kỵ, những kẻ ở tầng sâu thẳm luôn cảm thấy mình bất lực, từ đó sinh ra sự tàn độc của họ.

Tầm quan trọng của những sự kiện này, tập trung tại Bohemia thế kỷ mười lăm, là không thể phóng đại. Chúng cấu thành một giai đoạn trong sự phát triển của toàn bộ thế giới phương Tây, tạo ra những dòng chảy có tính quyết định và không thể đảo ngược (Tất nhiên, suy cho cùng thì mọi lịch sử đều không thể đảo ngược.) Quả thực, chúng ta không nên quên rằng John Hus là điều không thể tưởng tượng được nếu thiếu đi người cha đỡ đầu về mặt trí tuệ là John Wyclif, một nhà dân tộc chủ nghĩa thời kỳ đầu (theo nghĩa Anh - Mỹ của thuật ngữ này). Bản thân Hus là một nhà thần học hơn là một nhà lý luận chính trị, và chúng ta đã nghiên cứu ở nơi khác về mối liên hệ giữa Hus và Luther. Tư tưởng của Hus vẫn tồn tại ở các vùng nói tiếng Đức giáp ranh với Bohemia cho đến tận thời của Luther.

Vậy chính xác thì bản chất chính trị của phong trào Taborite – phong trào Hussite cấp tiến – là gì? Vào nửa sau thế kỷ XIX, mặc dù phong trào này bị coi là vừa mang tính dân tộc chủ nghĩa dữ dội vừa mang tính tả khuynh triệt để, chúng ta phải làm dịu bớt nhận định cực đoan này phần nào. Nhưng điều quan trọng đối với chúng ta không nằm ở thực chất bản chất của một phong trào mà là sự tiến hóa lịch sử của hình ảnh phong trào đó. (Điều tương tự cũng có thể nói về cuộc chiến tranh giành độc lập của Mỹ, trong đó văn hóa dân gian Mỹ đã biến nó thành một "Cuộc cách mạng Mỹ" và qua đó thường xuyên ảnh hưởng đến tâm trí của người Mỹ bình thường.)

Dù bức tranh về chủ nghĩa Taborite có bị phóng đại đến đâu, nó vẫn có ảnh hưởng lớn chủ yếu đối với người Séc, nhưng về lâu dài cũng tác động đến những người láng giềng Đức của họ (còn gọi là "người Đức Sudeten"), và những người này thường sẵn sàng quên đi tính chất chống Đức của chủ nghĩa Taborite trong khi vẫn trân trọng thiên kiến chống Công giáo và đôi khi cả chống Áo của nó. Giáo sư Josef Pekař có lẽ đã đứng trong luận điểm bị tranh cãi gay gắt của ông rằng phái Taborite không hoàn toàn dân chủ hay xã hội chủ nghĩa như đã từng được duy trì trước đó, và rằng phần trình bày của các học giả khác (Masaryk, Palacký, Krofta, Hajn, Czerwenka) ít nhất là có phần sai lầm.

Cho đến giữa thế kỷ XIX, phong trào Taborite đã bị đại đa số người Séc và người Đức từ chối về mặt đạo đức như một sự bùng nổ của tính dã man nguyên thủy. Cách trình bày mang tính thần thoại của Palacký đã thay đổi tất cả điều này. Cùng với sự trỗi dậy đồng thời của chủ nghĩa dân tộc, nền dân chủ và chủ nghĩa xã hội, người Séc bắt đầu trân trọng ý tưởng rằng họ là những người đi đầu của thời đại hiện đại, và chủ nghĩa Taborite đã nhận được một sự diễn giải lại đi đôi với việc đánh giá lại nhân vật Hus trong giới người Đức. Cuối thế kỷ XIX chứng kiến sự tổ chức của phong trào "Rời bỏ Rome" (*Los-von-Rom-Bewegung*), đặc biệt mạnh mẽ trong cộng đồng người Đức ở Bohemia và Moravia, và giờ đây ký ức về Hus – vốn là một anh hùng dân tộc chủ nghĩa Séc bị khinh miệt – bỗng chốc trở nên thiêng liêng. Cả một nền văn học mang tính dân tộc chủ nghĩa của người Đức đã trỗi dậy để ca ngợi Hus (tên của ông, khi được viết với "hai chữ s", bỗng vang lên đậm chất Đức).

Ở đây, thật thú vị khi lưu ý rằng đối với những người theo chủ nghĩa dân tộc Séc (cả khi đó lần bấy giờ), Giáo hội Công giáo xuất hiện như Giáo hội Đức - Áo của nhà Habsburg, và khi Thomas G. Masaryk gia nhập Hội Anh em Bohemia (*bratři*), việc ông cắt đứt quan hệ với Rome đồng thời mang ý nghĩa tôn giáo lẫn dân tộc. (Không cần phải nói, đối với những người theo chủ nghĩa dân tộc Đức và Đức Quốc xã, "Giáo hội Rome" hiện lên là "Latinh - Slav" và "xa lạ" – *artfremd* – gần giống như những người Do Thái bị cáo buộc thân Slav, những kẻ từng bị Masaryk chỉ trích gay gắt như là những kẻ được nhà Habsburg bảo hộ thân Đức.)

Là một dạng bệnh lý thần kinh, chủ nghĩa dân tộc ý thức về chủng tộc hầu như luôn phớt lờ logic và tri thức: Trong các cuộc nội chiến ở Đông Âu giữa năm 1918 và 1920, người Do Thái đã bị tàn sát vì nhiều lý do mâu thuẫn nhau: với tư cách là tư bản và cộng sản, là bạn của người Ukraine, là người theo chủ nghĩa thân Ba Lan (*Polonophile*), là người thân Đức – tùy thuộc vào hoàn cảnh. Tuy nhiên, có thể lập luận rằng trong Thế chiến I, người Do Thái ở Đông Âu đã tỏ ra đồng cảm với Các Cường quốc Trung tâm, những nước đã ban cho họ quyền bình đẳng dân sự (ví dụ như trong Hiệp ước Bucharest năm 1918).

Những tác động trọng đại khác mà sự thể hiện mang tính "Quốc gia Xã hội chủ nghĩa" của chủ nghĩa Taborite gây ra ở Trung Âu sẽ được chúng ta bàn đến sau. Ở giai đoạn này, chúng ta chủ yếu quan tâm đến ảnh hưởng của nó đối với Mussolini, một người theo chủ nghĩa xã hội Ý mang nhãn quan dân tộc chủ nghĩa và, khi Thế chiến I nổ ra, đã ngay lập tức ủng hộ việc can thiệp. Ông chỉ trích gay gắt Giáo hội Công giáo, Nhà Savoy và các giới bảo thủ vì đã không đưa nước Ý tham gia chiến tranh ngay lập tức về phía phe Đồng minh, và rất có thể ông đã nhận được viện trợ tài chính từ Pháp cho tờ báo xã hội chủ nghĩa bất đồng chính kiến mới thành lập của mình, *Il Popolo d'Italia*. Tuy nhiên, chúng ta không thể nghi ngờ rằng ngay từ trong thâm tâm, ông thực sự ủng hộ việc can thiệp về phía các cường quốc phương Tây, mặc dù Ý, cùng với Đức và Áo-Hung, đã lập nên Tam cường đồng minh và lợi ích quốc gia của Ý đáng lẽ đã được phục vụ tốt hơn nhiều nếu nước này ở lại trong liên minh đó.

Ý có thể – và thực tế đã – thu được rất ít từ đế quốc Áo-Hung bại trận, ngoại trừ các vùng lãnh thổ có cư dân chủ yếu không phải là người Ý. Việc Ý tham chiến về phía Liên minh Trung tâm đáng lẽ đã dẫn đến chiến thắng nhanh chóng cho phe này, vì điều đó sẽ buộc người Pháp phải chiến đấu ở phía bắc cũng như ở mặt trận thứ hai ở phía nam, qua đó giúp người Đức lấn át họ hiệu quả hơn và người Áo có thể toàn tâm toàn ý cống hiến cho cuộc chiến ở phía đông. Tuy nhiên, Mussolini có những lý do ý thức hệ cho sự chuyển đổi của ông từ chủ nghĩa hòa bình sang việc tham chiến ở phe "sai lầm", và khi Ý gia nhập Anh và Pháp, ông đã lập tức tòng quân tình nguyện và bị thương nặng gần mặt trận do một quả đạn cối phát nổ. Vào thời điểm đó, ông cũng đã từ bỏ các quan điểm thuần túy Mác-xít của mình và theo lời tự thú của chính ông, ông ngày càng quan tâm đến Proudhon, Sorel và phong trào Công đoàn phái sinh (*Syndicalist*) của Pháp. Péguy, Nietzsche và Lagardelle cũng đã để lại ấn tượng sâu sắc trong ông.

Mussolini trở về sau chiến tranh với tư cách là một người không còn theo chủ nghĩa xã hội, và để ngăn chặn làn sóng hỗn loạn và vô chính phủ, người theo chủ nghĩa cộng hòa kiên định và cánh

tả này đã thành lập nên lực lượng *fasci di combattimento* (Liên đoàn chiến đấu) mà lực lượng chiến đấu thực sự của họ là các *squadristi* (Đội xung kích phát xít). Họ muốn cứu Ý khỏi tình trạng vô chính phủ toàn diện mà đất nước thực sự đang hướng tới. Họ cũng muốn Ý hóa các vùng lãnh thổ mới giành được từ tay Áo một cách hoàn toàn bất chấp các nguyên tắc về quyền tự quyết. Họ coi việc bảo tồn bản sắc Áo - Đức của vùng Trung Tyrol là một "vụ bê bối quốc gia" và đã tấn công tàn bạo cư dân địa phương. Tuy nhiên, việc thành lập chính thức đảng Phát xít chỉ diễn ra vào cuối năm 1921 và cuộc Hành tiến về Rome diễn ra vào tháng 10 năm 1922. (Mussolini đi phần lớn chặng đường bằng xe lửa.) Vào thời điểm đó, những người phát xít đã nhận được sự ủng hộ rộng rãi không chỉ từ những cựu đảng viên xã hội mà còn từ tầng lớp trung lưu và thượng lưu.

Ai là kẻ phải chịu trách nhiệm về diễn biến này? Trước hết là những người cộng sản và xã hội chủ nghĩa, những kẻ đã đẩy đất nước vào tình trạng hỗn loạn khôn tả dẫn đến bờ vực sụp đổ. Cuộc đình công này nối tiếp cuộc đình công khác. Tình trạng hiện tại của Ý (vốn dĩ đã tồi tệ và cho thấy những điểm tương đồng lịch sử đầy đẫm máu) không cung cấp một sự tương đương hoàn toàn. Vào thời điểm đó, các băng đảng cộng sản đã chiếm giữ các nhà máy, làm tê liệt hệ thống thông tin liên lạc, thiết lập các xô viết địa phương và thách thức quyền lực trung ương.

Không còn nghi ngờ gì nữa, chế độ quân chủ lập hiến, vì quá trung thành tuân thủ các luật lệ hiến pháp hiện hành lúc bấy giờ, đã không còn khả năng đối phó với tình hình. Lẽ ra Vương thất có trách nhiệm thiết lập một nền chuyên chế hoàng gia tạm thời với sự giúp đỡ của Quân đội. Tuy nhiên, Victor Emmanuel III có lẽ đã coi việc đề một đảng phái hiện hữu gánh vác trách nhiệm là hành động "dân chủ" hơn, do đó ông đã từ chối ban bố tình trạng khẩn cấp do chính phủ yếu kém của Facta mong muốn – chính phủ mà sau đó đơn từ chức đã được chấp thuận. Mussolini, được bổ nhiệm làm Thủ tướng, đã phải chặt vật để kìm hãm những phần tử phát xít cực đoan hơn (và mang tính tá khuynh rõ rệt hơn). Chế độ độc tài toàn diện phải đến năm 1925–1926 mới hình thành. Thời kỳ chuyển tiếp kéo dài vài năm và chế độ song quyền (nhà vua và lãnh tụ - Duce) kéo dài cho đến năm 1943, khi chế độ quân chủ cứu lấy đất nước bằng cách ra lệnh bắt giữ Mussolini. Một cái kết như vậy là điều không thể xảy ra ở Đức, nơi Hitler chiến đấu đến cùng và để lại đất nước chia rẽ trong đống đổ nát. Mussolini, được "giải cứu" bởi Otto Skorzeny và được đưa đến tổng hành dinh của Hitler, đã tuyên bố thành lập Cộng hòa Xã hội Ý (rất có thể theo lời khuyên của Hitler), chính thể này sau đó sụp đổ vào năm 1945. Một năm sau, nước cộng hòa này được hồi sinh với sự hậu thuẫn quyết định của lực lượng cộng sản.

Ngày nay, chúng ta có thể nhìn nhận chủ nghĩa phát xít Ý một cách bình tĩnh hơn và đặt nó vào đúng bối cảnh của nó: như một hệ tư tưởng và một hiện tượng lịch sử trong không gian nước Ý. Chúng tôi đồng tình với quan điểm của Hannah Arendt, người đã chỉ ra rằng so với nước Đức Quốc xã hoặc Liên Xô, cực diện nước Ý dưới thời phát xít hầu như không mang tính toàn trị. Không còn nghi ngờ gì nữa, nước Ý phát xít nhân đạo hơn rất nhiều so với hai chế độ bạo tàn ở phương Bắc. Tính khí của các quốc gia là một nhân tố cực kỳ quan trọng đối với bản chất của bất kỳ chính phủ nào, và chủ nghĩa nhân văn (*umanesimo*) cùng lòng nhân ái (*umanita*) kiểu Ý đã phát huy những tác động nhất định của chúng.

Có một khía cạnh khác của chủ nghĩa phát xít, mặc dù ít hiển hiện hơn so với chủ nghĩa cộng sản Nga và hoàn toàn không tồn tại trong chủ nghĩa Quốc xã Đức. Các quốc gia Nam Âu, vốn từng đóng vai trò vô cùng nổi bật trong lịch sử cho đến khi phong trào khai sáng, chủ nghĩa tự do và kỹ thuật thúc đẩy sự tiến hóa của phương Bắc, đã bị lu mờ một cách định mệnh và "bị bỏ lại phía sau". Ý không phải là ngoại lệ. Trong khi Anh, Hà Lan, Đức và Scandinavia đang tiến bước mạnh mẽ, đạt được danh tiếng về quân sự và hải quân, đồng thời nhanh chóng nâng cao mức sống, thì các quốc gia Địa Trung Hải, mãi mê với cuộc sống ngọt ngào (*dolce vita*) và sự thanh thoi nhàn rỗi (*dolce far niente*), tận hưởng bầu trời xanh, những giai điệu du dương và những cuộc trò chuyện thú vị – đi kèm với tình trạng nghèo đói nặng nề. Tuy nhiên, sự hiện diện của khách du lịch đến từ phương Bắc giàu có đã tạo ra một phức cảm tự ti, từ đó nuôi dưỡng mong muốn cạnh tranh thành công với các quốc gia tiến bộ và hùng mạnh này. Liệu pháp chữa trị dường như là lao động chăm chỉ, kỷ luật, đúng giờ, sự sạch sẽ, cuộc chiến chống tham nhũng, kiểm soát đạo đức, năng lực quân sự, công nghiệp hóa nhân tạo, thể thao bắt buộc và tuyên truyền về "sự vĩ đại của quốc gia".

Chủ nghĩa phát xít đã cố gắng thúc đẩy tất cả những nỗ lực và động lực này. Khách du lịch nước ngoài rất hài lòng khi thấy những người ăn xin biến mất khỏi đường phố và các chuyến tàu chạy đúng giờ. George Bernard Shaw, nhà Fabian vĩ đại, không tiếc lời ca ngợi Mussolini và qua đó vấp phải những tiếng la ó phản đối từ phía những người theo chủ nghĩa xã hội. Ông bị gọi là kẻ phản bội, nhưng vẫn kiên định lập trường: những người theo chủ nghĩa phát xít là "tiến bộ". Tương tự như vậy, nhiều người theo chủ nghĩa dân tộc Nga đã rất vui mừng trước quá trình công nghiệp hóa của Liên Xô. Những người tị nạn Nga hã hê: "Họ sẽ cho phương Tây suy đồi thấy mặt!" Phải hiểu về Liên Xô, như tôi đã hiểu, mới nhận ra mong muốn tuyệt vọng thể nào của Liên Xô trong việc vượt qua Hoa Kỳ trên hết mọi thứ. Ngay cả khẩu hiệu mang tính siêu thực của Lenin: "Chủ nghĩa cộng sản có nghĩa là toàn bộ quyền lực thuộc về các xô-viết cộng với sự điện khí hóa đất nước," mà người ta vẫn thấy ở khắp mọi nơi, lại là một mảnh ghép bệnh hoạn mang tính giả-Mỹ (*pseudo-Americanism*).

Thế nhưng, bên cạnh động lực cạnh tranh xuất phát từ phức cảm tự ti này, chủ nghĩa phát xít vẫn tồn tại một khía cạnh thuần túy ý thức hệ, một di sản vững chắc của chủ nghĩa xã hội và cả của *Religionsersatz* (tôn giáo thay thế), một tôn giáo tổng hợp, điều đã khiến cho sự chung sống giữa chủ nghĩa phát xít và Giáo hội Công giáo trở nên vô cùng khó khăn. Chủ nghĩa phát xít cũng mang một khía cạnh theo kiểu Maurras, ở chỗ nó nói "có" đối với Đức tin Công giáo như một "tôn giáo quốc gia", và thái độ này có một cơ sở thực dụng, mang màu sắc Machiavelli. Về điểm này và các khía cạnh khác, chủ nghĩa phát xít rất khác biệt so với chủ nghĩa falang Tây Ban Nha và hệ tư tưởng mang tính tâm linh hơn, đầy tàn bạo, của Vệ binh Sắt (*Iron Guard*) Romania.

Người ta chỉ cần đọc các đoạn liên quan đến chủ nghĩa phát xít Ý trong cuốn nhật ký rất thú vị của Victor Serge, một người cộng sản Nga bất đồng chính kiến, để hiểu được mối liên hệ sâu sắc và lâu dài giữa các hệ tư tưởng cánh tả quốc gia và quốc tế, giữa chủ nghĩa xã hội - cộng sản và chủ nghĩa phát xít. Serge viết về Nicola Bombacci, một đảng viên xã hội sau này đã trở về Ý và "hợp tác". Khi Serge gặp ông ta trong thời gian lưu vong ở Berlin (1923–1924), Bombacci nói

với ông rằng Mussolini nợ các ý tưởng của những người cộng sản rất nhiều. Serge hỏi: "Tại sao các anh lại không loại bỏ Mussolini vào thời điểm các hợp tác xã bị phá hủy?" "Vì những người chiến đấu và năng nổ nhất của chúng tôi đã sang theo ông ta." Serge thú nhận rằng khi đó ông đã nhận ra mình bị dẫn dắt nhường nào bởi sức hút mà chủ nghĩa phát xít tạo ra đối với phe cực tả.

Cũng thú vị không kém là những lời thú nhận của Henri Guilbeaux, một người sáng lập khác của Quốc tế Cộng sản, đã thổ lộ với Serge. Guilbeaux nhìn nhận ở Mussolini hình ảnh người thừa kế thực sự của Lenin. Serge kết luận rằng chủ nghĩa phát xít đã thu hút rất nhiều nhà cách mạng nhờ vào "sức mạnh và bạo lực bình dân" (*plebeian force and violence*) của nó cùng với chương trình mang tính xây dựng: xây dựng trường học, tháo cạn đầm lầy, thúc đẩy công nghiệp hóa, thiết lập một đế chế. Hơn nữa, còn có tầm nhìn về một Trật tự Mới – đối với tư duy cánh tả – sẽ thành hình khi nền tảng do những người phát xít tạo dựng được tôn vinh bằng chủ nghĩa xã hội. "Thật không thể nhìn nhận hiện tượng phát xít mà không phát hiện ra tầm quan trọng của các mối liên hệ tương hỗ giữa nó với chủ nghĩa xã hội cách mạng," Serge thú nhận.

Trong tác phẩm được tài liệu hóa kỹ lưỡng *How Fascism Became a Dictatorship* của Massimo Rocca, chúng ta tìm thấy nhiều tài liệu hơn nữa về mối liên hệ mang tính cánh tả của chủ nghĩa phát xít.

Rocca khẳng định rằng trong những ngày cuối đời, Mussolini từng nghĩ đến việc đầu hàng đảng Xã hội, với kỳ vọng sẽ được những đồng chí cũ tha mạng. (Ông đã từng hai lần cứu mạng Pietro Nenni.) Vào cuối năm 1922 (tức là ngay từ thời điểm khởi đầu của sự cai trị phát xít), Mussolini vẫn đang cố gắng thuyết phục phe cực tả tại Nghị viện thông qua những lời kêu gọi đầy nhiệt huyết. Rocca viết: "*Đối với Mussolini, chủ nghĩa phát xít chẳng qua chỉ là một khoảng thời gian gián đoạn giữa thời điểm ông rời bỏ đảng Xã hội và việc được tái kết nạp trong sự khai hoàn sau này, một hy vọng được nuôi dưỡng suốt hai mươi năm.*"

Vào năm 1919, Mussolini vẫn ca ngợi việc lực lượng cộng sản chiếm giữ các nhà máy ở Dalmine, và đến năm 1921, ông từng đề nghị đảng Xã hội (P.S.I) hợp tác trong một cuộc cách mạng chống quân chủ và chống tư bản. Sự "quy thuận" của Mussolini đối với chế độ quân chủ diễn ra chỉ vài tuần trước cuộc Hành tiến về Rome (*Marcia su Roma*), thế nhưng người bạn thực sự đáng tin cậy cuối cùng của ông lại là một người theo chủ nghĩa xã hội, Carlo Silvestri. Và trong thời gian trị vì "Cộng hòa Xã hội" (với thủ đô đặt tại Salò), sự căm ghét của Mussolini đối với "giai cấp tư sản" và "những kẻ tư bản" lại một lần nữa phơi bày ra ánh sáng.

Sự căm thù và khinh miệt của ông đối với giới quý tộc vẫn luôn mãnh liệt trong mọi thời điểm, như người con trai Vittorio của ông đã xác nhận. Điều này cũng phần nào giải thích thái độ thù địch của ông đối với cuộc hôn nhân của con gái mình, Edda. Về mặt này, ông rất giống với Hitler – người mà sự cuồng tín của hắn đã khiến ông phải bi thảm khuất phục vào cuối đời, thậm chí còn chấp nhận cả những tư tưởng phân biệt chủng tộc của Quốc trưởng, mặc dù thành kiến chủng tộc vốn không có chỗ đứng trong tâm thức người Ý. Sau khi lên nắm quyền, Mussolini từng có một nhân tình người Do Thái – người đã viết cuốn tiểu sử đầu tiên về ông.

Hitler, học trò cũ của ông, nay lại trở thành thầy của ông, từng chịu ảnh hưởng bởi hình mẫu Taborite theo một con đường quanh co hơn. Trên thực tế, Hitler chắc chắn hoàn toàn tán thành châm ngôn của Mussolini: *"Tutto nello Stato, niente al fuori dello Stato, nulla contro lo Stato"* (Mọi thứ trong Nhà nước, không có gì nằm ngoài Nhà nước, không có gì chống lại Nhà nước). Tuy nhiên, về mặt lý thuyết, cả hai đều có thể lặp lại một công thức nhất nguyên khác khi nhắc đến sự cai trị của chính họ, với dụng ý là một "chính phủ của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân".

Jules Romains đã viết trong tác phẩm *Les hommes de bonne volonté* (Những người thiện chí):

"Hitler và Mussolini là những kẻ bạo chúa thuộc về thời đại dân chủ. Họ hoàn toàn trục lợi từ dịch vụ đáng ngờ mà nền dân chủ đã mang lại cho con người trong xã hội chúng ta bằng cách lôi kéo anh ta vào chính trị, khiến anh ta quen với thứ chất kích thích đó, khiến anh ta tin rằng lĩnh vực của những thảm họa là mối quan tâm của mình, rằng lịch sử gọi tên anh ta, tham khảo ý kiến anh ta, cần đến anh ta từng khoảnh khắc. Chế độ độc tài kiểu Quốc xã là một khối u ung thư muộn màng đã nở hoa trên mảnh đất của Cuộc cách mạng Pháp."

